

Số: 1506 /BC-SNNMT

Cà Mau, ngày 17 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng kết việc thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh trong nước liên quan đến dự thảo Nghị quyết

Giai đoạn 2021-2025, Chính phủ triển khai thực hiện 03 CTMTQ gồm: CTMTQG xây dựng nông thôn mới; CTMTQG giảm nghèo bền vững; CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Hỗ trợ phát triển sản xuất là một trong những nội dung trọng tâm của các CTMTQG nhằm tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân, phát triển kinh tế nông thôn và thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Để tổ chức thực hiện các CTMTQG, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các CTMTQG (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023). Trên cơ sở đó, Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bạc Liêu

(cũ), tỉnh Cà Mau (cũ) đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật¹ cụ thể hóa các quy định của Trung ương, làm cơ sở triển khai các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn. Trong quá trình thực hiện, các cơ chế, chính sách đã góp phần huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực nhà nước, hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai phát sinh một số khó khăn, vướng mắc liên quan đến cơ chế quản lý, mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cần được rà soát, đánh giá để hoàn thiện.

Ngày 31/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các CTMTQG, thay thế Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó tại điểm d khoản 1 Điều 56 quy định: “UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định mức hỗ trợ cho 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia thực hiện dự án phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 26, Điều 30 và Điều 35”.

Bên cạnh đó, việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp đã làm thay đổi phạm vi quản lý, cơ quan thực hiện và thẩm quyền trong quá trình tổ chức các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất. Trong bối cảnh đó, việc tổng kết thi hành pháp luật về hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các CTMTQG là cần thiết nhằm đánh giá toàn diện kết quả thực hiện, xác định những khó khăn, vướng mắc và các vấn đề phát sinh trong thực tiễn, làm cơ sở phục vụ việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

¹* Tỉnh Bạc Liêu:

- Nghị quyết số 08/2024/NQQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Bạc Liêu sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023.

- Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Bạc Liêu Quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các CTMTQG; nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước trong thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu đến năm 2025.

- Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 của UBND tỉnh Bạc Liêu ban hành quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng thuộc các CTMTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

* Tỉnh Cà Mau:

- Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Cà Mau Quy định nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ thực hiện phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển sản xuất cộng đồng, phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thuộc các CTMTQG trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 10/10/2023 của HĐND tỉnh Cà Mau Bổ sung một số điều của Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Cà Mau Quy định nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ thực hiện phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển sản xuất cộng đồng, phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thuộc các CTMTQG trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh Cà Mau ban hành quy định cơ chế quay vòng một phần vốn bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các CTMTQG trên địa bàn tỉnh Cà Mau

- Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh Cà Mau ban hành quy định nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Thực hiện Văn bản số 2117/UBND-NNXD ngày 11/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ và Công văn số 2905/UBND-NNXD ngày 04/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương tổ chức rà soát, đánh giá việc thi hành pháp luật về hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các CTMTQG giai đoạn 2021-2025.

Việc tổng kết được thực hiện trên cơ sở rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; tổng hợp báo cáo, số liệu của các cơ quan, đơn vị, địa phương; đánh giá kết quả triển khai thực tế các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau trước khi hợp nhất, đồng thời xem xét tình hình tổ chức thực hiện sau khi hợp nhất tỉnh và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Kết quả tổng kết là căn cứ thực tiễn để đánh giá mức độ phù hợp, tính thống nhất và hiệu quả thi hành của các quy định hiện hành; đồng thời là cơ sở phục vụ việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ cho 01 dự án và định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc CTMTQG giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Thực hiện Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các CTMTQG giai đoạn 2021-2025, tỉnh Bạc Liêu (cũ) đã ban hành 02 nghị quyết của HĐND tỉnh và 01 quyết định của UBND tỉnh; tỉnh Cà Mau (cũ) đã ban hành 02 nghị quyết của HĐND tỉnh và 02 quyết định của UBND tỉnh liên quan đến hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các CTMTQG. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, tỉnh Cà Mau tiếp tục thực hiện các nghị quyết, quyết định theo hiệu lực không gian để bảo đảm việc tổ chức thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất được thông suốt, liên tục.

Các văn bản quy phạm pháp luật ban hành cơ bản bám sát quy định của Trung ương, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để các địa phương tổ chức thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, trong quá trình thực hiện kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế để phù hợp với yêu cầu thực tiễn và các quy định mới của Trung ương.

Tuy nhiên, việc thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên quan đến nhiều văn bản, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện và quản lý. Vì vậy, việc nghiên cứu, xây dựng một cơ chế chính sách thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh là cần thiết nhằm bảo đảm đồng bộ, thuận lợi trong tổ chức thực hiện và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực của các CTMTQG.

2. Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật

2.1 Khái quát chung

Tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau (*trước hợp nhất và sau hợp nhất*) đã kịp thời ban hành các chính sách nhằm cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách, quy định của cơ quan cấp trên về thực hiện CTMTQG: Xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật đã tạo cơ sở pháp lý với định hướng và mục tiêu của các CTMTQG, đặc biệt là trong việc hỗ trợ cho các hộ gia đình, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp khi tham gia thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

2.2. Kết quả thực hiện

Trong giai đoạn 2021 - 2025 toàn tỉnh (sau hợp nhất) đã triển khai 507 dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất với 4.336 hộ tham gia, tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ 86.981,8 triệu đồng, trong đó 16 dự án liên kết theo chuỗi giá trị và 491 dự án/mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, cụ thể như sau:

a) Tỉnh Bạc Liêu trước khi hợp nhất

Đã triển khai 192 dự án/mô hình với 1.149 hộ tham gia, tổng kinh phí hỗ trợ 24.542,8 triệu đồng, gồm 192 dự án/mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng. Các dự án đã góp phần khai thác tiềm năng sản xuất của địa phương, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và từng bước hình thành các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm.

b) Tỉnh Cà Mau trước khi hợp nhất

Đã triển khai 315 dự án/mô hình với 3.187 hộ tham gia, tổng kinh phí hỗ trợ 62.439 triệu đồng, gồm 16 dự án liên kết theo chuỗi giá trị, 299 dự án/mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng. Các dự án cơ bản phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn hỗ trợ và cải thiện sinh kế của người dân.

2.3. Những ưu điểm, bất cập, hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật

a) Ưu điểm:

- Các Nghị quyết, Quyết định đã bám sát chủ trương, định hướng của Trung ương, cụ thể hóa phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương.

- Cơ chế, chính sách hỗ trợ cho các dự án phát triển sản xuất được quy định rõ ràng thông qua hệ thống văn bản quy phạm pháp luật cụ thể; tạo nền tảng pháp lý quan trọng, góp phần định hướng rõ trách nhiệm, quyền lợi của các bên tham gia và thuận lợi cho công tác triển khai, thẩm định, phê duyệt và giám sát thực hiện tại cơ sở.

- Hình thức hỗ trợ đa dạng, đối tượng thụ hưởng được mở rộng, tạo điều kiện thúc đẩy các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và hộ sản xuất phát triển.

- Quá trình tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách được triển khai bài bản, góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các chủ thể tham gia.

b) Bất cập, hạn chế:

- Hệ thống văn bản còn nhiều tầng nấc, được ban hành, sửa đổi, bổ sung trong các thời điểm khác nhau, dẫn đến việc nghiên cứu, áp dụng tại địa phương có lúc còn khó khăn, nhất là đối với các nội dung liên quan đến mức hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng, điều kiện hỗ trợ, trình tự thủ tục và cơ chế quản lý, sử dụng nguồn vốn.

- Một số quy định chưa thật sự đồng bộ giữa các văn bản và giữa các CTMTQG, nhất là đối với các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất có tính chất tương đồng. Trong thực tế, địa phương phải rà soát, đối chiếu nhiều quy định để xác định căn cứ và mức hỗ trợ phù hợp, làm tăng thời gian tham mưu, thẩm định và tổ chức thực hiện.

- Một số quy định còn thiên về điều kiện, hồ sơ và thủ tục, trong khi năng lực tổ chức thực hiện của các chủ thể ở cơ sở, đặc biệt là hộ dân, tổ hợp tác và một số hợp tác xã còn hạn chế. Vì vậy, việc hoàn thiện hồ sơ, xây dựng phương án sản xuất, chứng minh khả năng đối ứng, tổ chức liên kết và thực hiện chế độ báo cáo còn gặp khó khăn.

- Việc quy định cơ chế quay vòng, thu hồi và tái sử dụng nguồn vốn hỗ trợ trong quá trình thực hiện có thời điểm chưa thống nhất, nhất là khi chính sách hoặc văn bản hướng dẫn được thay đổi, dẫn đến địa phương gặp khó khăn trong việc tiếp tục quản lý, sử dụng nguồn vốn đã hỗ trợ và xử lý phần vốn quay vòng.

- Một số quy định chưa có cơ chế đủ linh hoạt để xử lý các trường hợp dự án gặp rủi ro khách quan trong quá trình thực hiện như biến động giá vật tư, dịch bệnh, thiên tai, thị trường tiêu thụ hoặc thay đổi phương án sản xuất. Điều này gây khó khăn cho địa phương trong việc điều chỉnh nội dung, tiến độ hoặc phương án thực hiện mà vẫn bảo đảm đúng quy định.

- Công tác hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện giữa các cấp có lúc chưa thật sự thống nhất, dẫn đến cách hiểu và vận dụng một số quy định tại cơ sở còn khác nhau. Đây là một trong những nguyên nhân làm kéo dài thời gian xử lý hồ sơ và ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân, triển khai dự án.

3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

3.1. Khó khăn

Cơ chế, chính sách của hai tỉnh trước khi hợp nhất còn có sự khác biệt về mức hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục và cơ chế quản lý, khó khăn trong quá trình áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh.

Việc triển khai các dự án phát triển sản xuất áp dụng tại nhiều văn bản hướng dẫn, khó khăn cho cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện.

3.2. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

Việc hợp nhất tỉnh và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp làm thay đổi cơ quan quản lý dự án; cơ chế thực hiện dự án vẫn thực hiện theo địa bàn của từng tỉnh (trước hợp nhất), do vậy cần có cơ chế để thực hiện thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh.

Sản xuất nông nghiệp của nhiều hộ dân còn nhỏ lẻ; năng lực liên kết giữa người dân với doanh nghiệp, hợp tác xã còn hạn chế; thị trường tiêu thụ nông sản còn nhiều biến động.

b) Nguyên nhân chủ quan

Công tác tham mưu, hướng dẫn và tổ chức thực hiện tại một số địa phương chưa đồng đều; việc rà soát, đề xuất sửa đổi các quy định phát sinh từ thực tiễn có thời điểm chưa kịp thời.

Năng lực xây dựng, quản lý dự án của một số chủ thể còn hạn chế; người dân hạn chế trong việc đổi ứng thực hiện dự án nên ít tham gia dự án.

4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

- Nghị định số 358/2025/NĐ-CP đã thay đổi cơ chế quản lý và giao HĐND cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cho 01 dự án và định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất, do vậy địa phương phải ban hành quy định mới là cơ sở pháp lý để tổ chức thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh.

- Sau khi hợp nhất tỉnh, cần thống nhất cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất giữa các địa phương trước đây, bảo đảm đồng bộ về mức hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục và cơ chế quản lý trên phạm vi toàn tỉnh.

- Việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đặt ra yêu cầu tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy trình tổ chức thực hiện, phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện ở cơ sở.

- Yêu cầu nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, mở rộng các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị, tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và nâng cao tính bền vững của các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cần được quan tâm trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Trên cơ sở kết quả tổng kết thi hành pháp luật về hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các CTMTQG giai đoạn 2021-2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất một số nội dung sau:

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách

Xây dựng, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ 01 dự án và định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc CTMTQG giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Nghị quyết cần bảo đảm thống nhất cơ chế hỗ trợ trên phạm vi toàn tỉnh sau khi hợp nhất; quy định rõ mức hỗ trợ, đối tượng áp dụng, nội dung hỗ trợ và trách

nhệm của các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện; đồng thời phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách và yêu cầu phân cấp, phân quyền của địa phương.

2. Nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện

Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ trực tiếp tham mưu và tổ chức thực hiện các dự án phát triển sản xuất.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và xử lý những bất cập phát sinh trong quá trình triển khai.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu và các phần mềm để quản lý và tổng hợp kết quả thực hiện các dự án; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình tổ chức thực hiện.

Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và các chủ thể có đủ năng lực tham gia các dự án liên kết theo chuỗi giá trị; ưu tiên các dự án ứng dụng khoa học, công nghệ, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và phát triển sản xuất bền vững.

3. Tổ chức thực hiện

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện Nghị quyết sau khi được ban hành; định kỳ đánh giá kết quả thực hiện, kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung những nội dung chưa phù hợp.

Đề nghị các sở, ngành và chính quyền địa phương tăng cường phối hợp trong tổ chức thực hiện; thường xuyên rà soát những khó khăn, vướng mắc phát sinh từ thực tiễn để kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc hoàn thiện các quy định có liên quan, bảo đảm việc triển khai chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất thống nhất, đồng bộ và hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo tổng kết việc thi hành hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các CTMTQG giai đoạn 2021-2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp;
- Ban Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, KTHT_(Hiện).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bùi Tứ Hải

